

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST.
Ngày 21/01/2025
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Hào và bà Vũ Thị Toan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 274/2024/TLST- HNGĐ, ngày 28/10/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HS ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Chị **Phùng Thị Minh A**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Anh và chị Phùng Thị Minh A kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 08/11/2004. Sau khi kết hôn do đặc thù công việc nên anh và chị Phùng Thị Minh A không thường xuyên chung sống cùng nhau có những thời điểm 2-3 tuần mới gặp nhau một lần. Từ năm 2012 khi vợ chồng chuyển công tác về sống gần nhau thì giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng

trở nên trầm trọng. Từ năm 2013 hai vợ chồng sống ly thân, không ăn chung, ngủ chung, không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại phiên toà, anh T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị Phùng Thị Minh A đến nay đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phùng Thị Minh A theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Phùng Thị Minh A có 02 con chung là cháu: Nguyễn Đức K, sinh ngày 20/8/2005 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 21/8/2010. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh H, không đề nghị chị Phùng Thị Minh A cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Nguyễn Đức K hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị Phùng Thị Minh A có một số tài sản chung nhưng tự thoả thuận, tự chia, không đề nghị Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định anh và chị Phùng Thị Minh A không có nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải, tại phiên tòa bị đơn là chị Phùng Thị Minh A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 08/11/2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị công tác tại trường THPT H1, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, còn anh Tiến công T1 tại Công an huyện B, tỉnh Hà Giang. Năm 2009, anh T chuyển công tác về Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2011, chị chuyển công tác về trường THPT X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn; anh Nguyễn Xuân T trong quá trình làm việc, có nhiều mối quan hệ với những người phụ nữ khác nên hiện nay anh T muốn ly hôn với chị, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải để đoàn tụ gia đình, nhưng anh T không đồng ý, hiện nay vợ chồng anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không ăn chung, ngủ chung, không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, công việc của ai người ấy làm.

Chị xác định giữa chị và anh T có xảy ra mâu thuẫn, do hiện nay các con chưa hoàn toàn trưởng thành nên anh T đề nghị xin ly hôn, chị không nhất trí ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 20/8/2005 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 21/8/2010. Chị Phùng Thị Minh A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh H, không đề nghị anh Nguyễn Xuân T cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Nguyễn Đức K hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T có một số tài sản chung nhưng tự thoả thuận, tự chia, không đề nghị Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T xử cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn với chị Phùng Thị Minh A.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 21/8/2010 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị Phùng Thị Minh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Đối với cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 20/8/2005, hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, tự chia không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn G, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; xác minh với ông Nguyễn Xuân T2 (là bố đẻ anh T) lấy ý kiến của con chung.

Tòa án đã tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Xuân T và chị Phùng Thị Minh A kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là quan hệ hôn nhân hợp pháp; anh T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn chị Phùng Thị Minh A có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn G, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn*.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Anh Nguyễn Xuân T và chị Phùng Thị Minh A kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, từ khoảng năm 2013 hai vợ chồng đã sống ly thân không ăn chung, ngủ chung, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phùng Thị Minh A theo quy định của pháp luật; chị Phùng Thị Minh A xác định nguyên nhân dẫn đến việc mâu thuẫn và anh T xin ly hôn là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, chị và anh T hiện nay không ăn chung, ngủ chung, không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, nhưng do hiện nay các con chưa hoàn toàn trưởng thành nên chị không nhất trí ly hôn; xác minh tại thôn G, xã L và xác minh với ông Nguyễn Xuân T2 là bố đẻ anh T (hiện nay đang sinh sống cùng vợ chồng anh T) xác định giữa anh T và chị Phùng Thị Minh A đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013, hiện nay không ăn chung, ngủ chung, chị Phùng Thị Minh A tự ăn uống, sinh hoạt một mình nhưng vẫn ở chung nhà với anh T.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Phùng Thị Minh A là đúng thực tế, tuy lời khai các bên không trùng khớp nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng cả hai đều xác định, hiện nay tuy ở cùng nhau nhưng từ năm 2013 đã không ăn chung, ngủ chung, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế; các bên đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau, chị Phùng Thị Minh A không nhất trí ly hôn là vì các con chưa trưởng thành; từ năm 2013 đến nay xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai vợ chồng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn với chị Phùng Thị Minh A.

[2.2] *Về con chung*:

Quá trình chung sống, giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Phùng Thị Minh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 20/8/2005 và cháu Nguyễn

Khánh H, sinh ngày 21/8/2010. Anh T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Khánh H, không đề nghị anh chị Phùng Thị Minh A cấp dưỡng nuôi con chung; đối với cháu Nguyễn Đức K hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên không đề nghị Tòa án giải quyết; chị Phùng Thị Minh A cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh H và đề nghị Tòa án xem xét các điều kiện theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn G, xã L, huyện Y và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện: Cháu Nguyễn Đức K hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Khánh H, ý kiến cháu H có nguyện vọng được ở cùng bố là anh Nguyễn Xuân T; anh T có chỗ ở ổn định, hiện nay là Cán bộ Công an huyện Y, có thu nhập ổn định qua lương, mức lương hiện hưởng khoảng 40.540.000 đồng/tháng, anh T đảm bảo các điều kiện để nuôi con, mặt khác hiện nay trong sinh hoạt hàng ngày cháu H ăn chung, sinh hoạt cùng anh T và bố mẹ anh T; còn đối với chị Phùng Thị Minh A tuy hiện nay cũng có nghề nghiệp (giáo viên), thu nhập ổn định qua lương, mức lương hiện hưởng 16.254.699 đồng/tháng, nhưng xét theo nguyện vọng và điều kiện sinh hoạt thì giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu Nguyễn Khánh H và ưu tiên bảo đảm lợi ích của con, cũng như không làm xáo trộn môi trường sống, sinh hoạt, học tập của cháu H cần giao cháu Nguyễn Khánh H cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như nguyện vọng của cháu Nguyễn Khánh H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị Phùng Thị Minh A cấp dưỡng, nên chị Phùng Thị Minh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Chị Phùng Thị Minh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác định có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, chị Phùng Thị Minh A không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của anh Nguyễn Xuân T với chị Phùng Thị Minh A.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn với chị Phùng Thị Minh A (*Giấy chứng nhận kết hôn số 234, quyển số 01, ngày 08/11/2004 tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang*). Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Phùng Thị Minh A chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 21/8/2010 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Phùng Thị Minh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 20/8/2005 hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000002086121, ngày 27/10/2024 của Công ty cổ phần T3 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002191, ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, anh Nguyễn Xuân T đã nộp đủ tiền án phí. Chị Phùng Thị Minh A không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Lang Quán (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tiến Hào

Vũ Thị Toan

Vũ Mạnh Hồng

